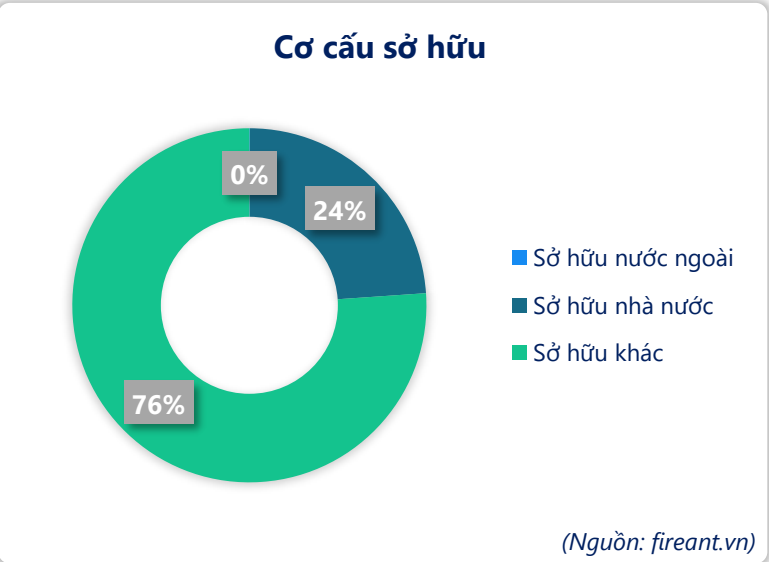
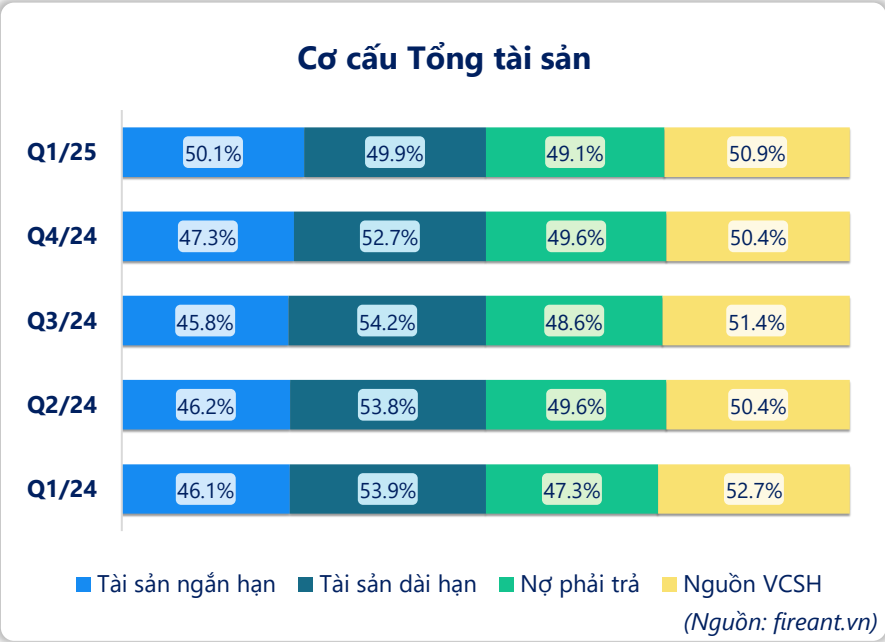
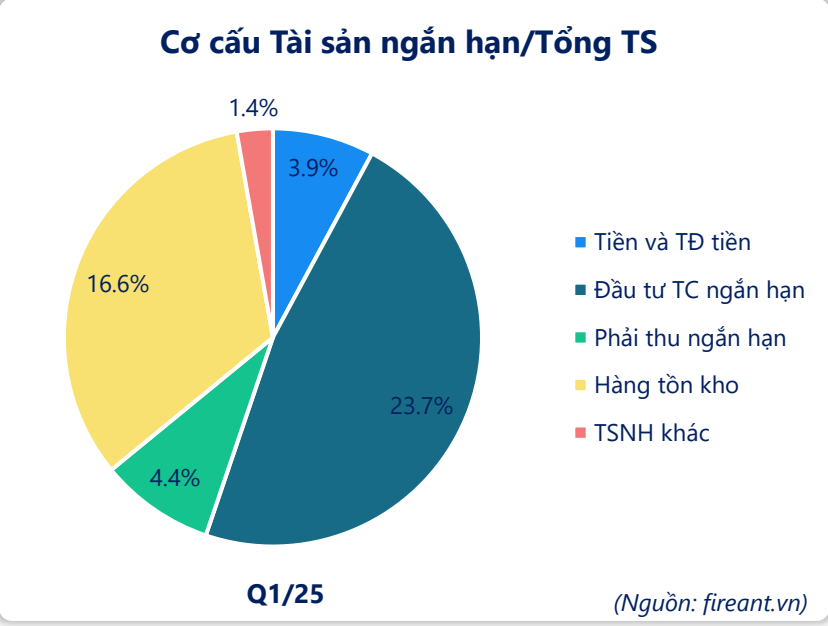
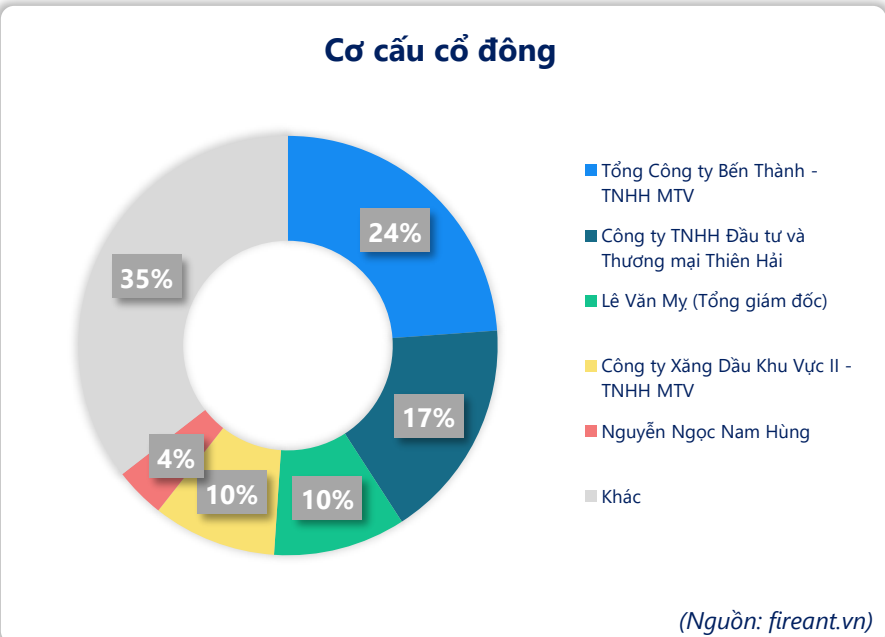
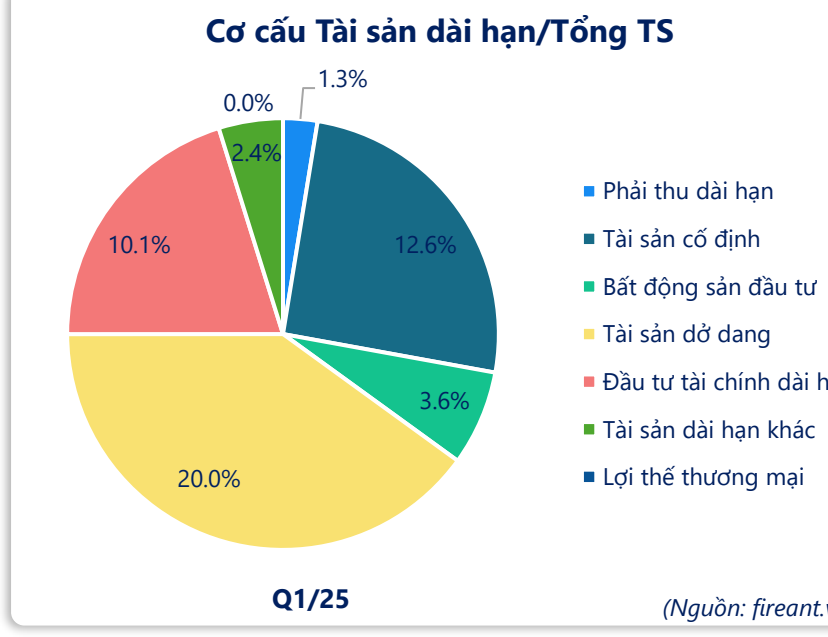
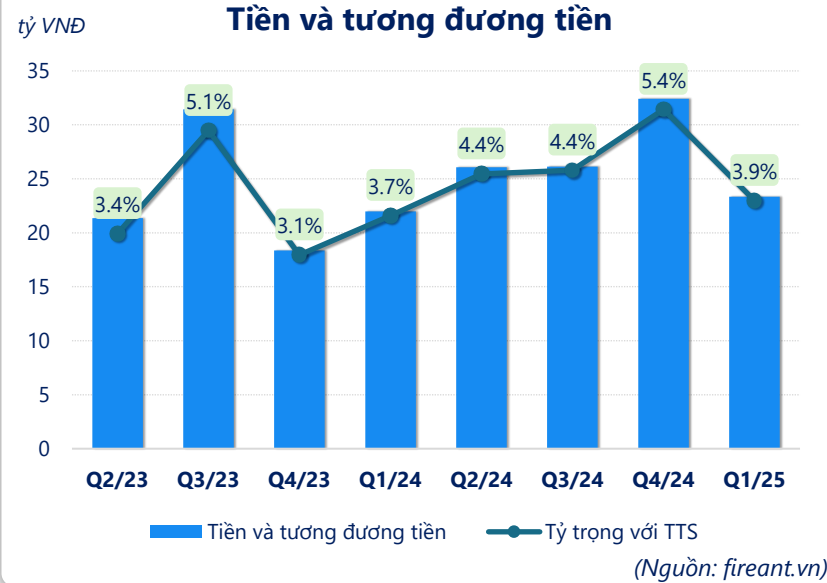
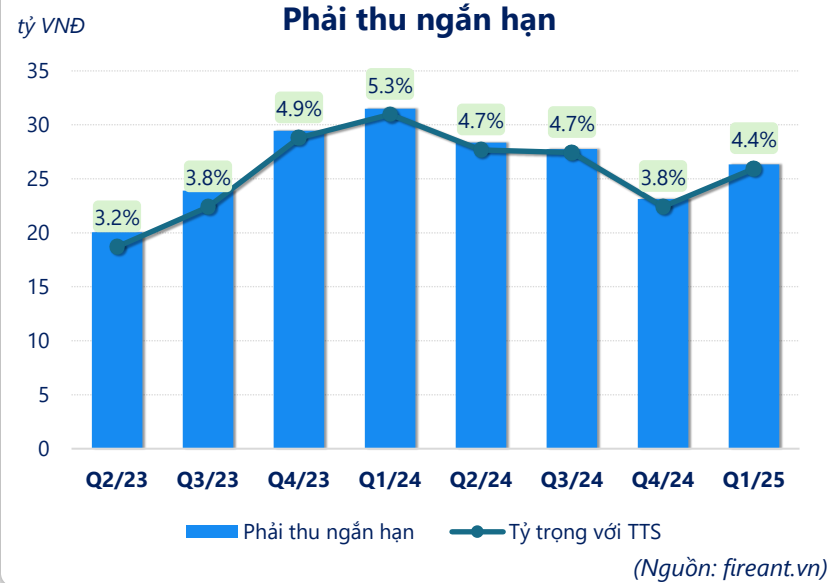
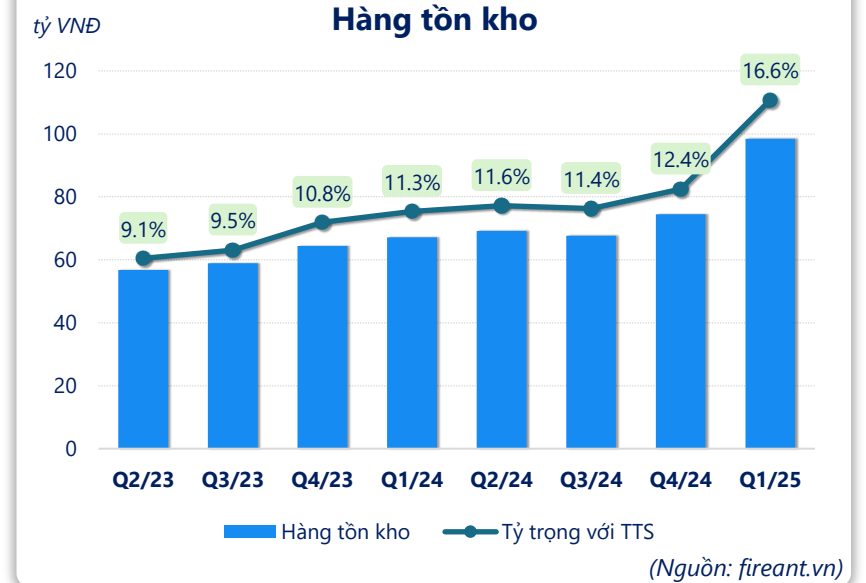
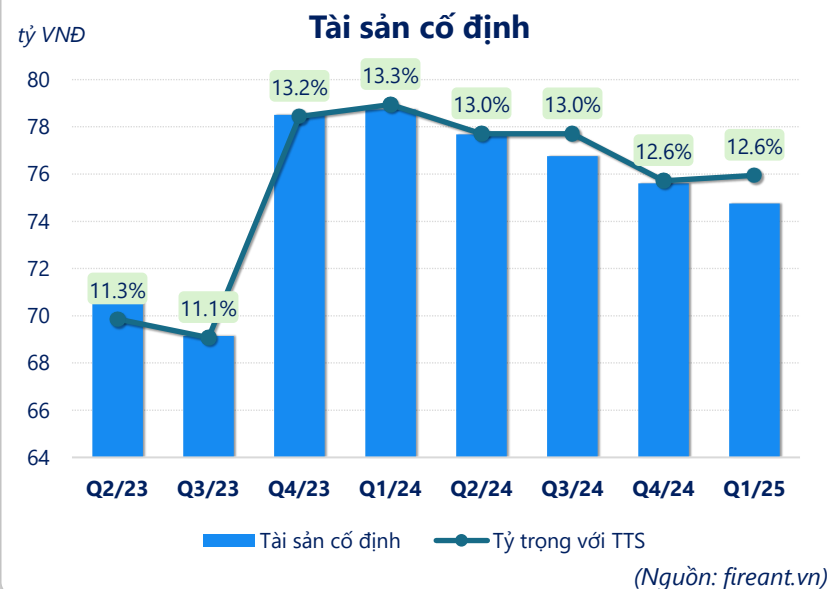
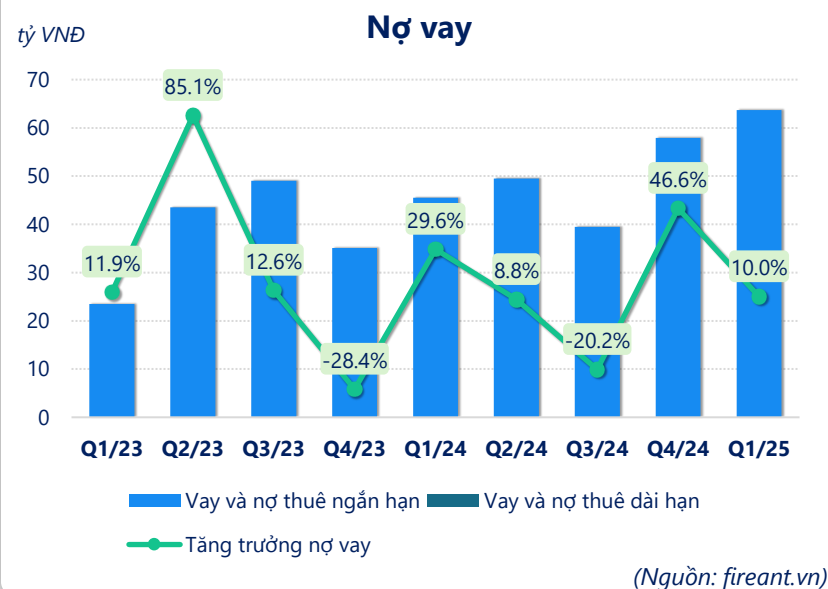
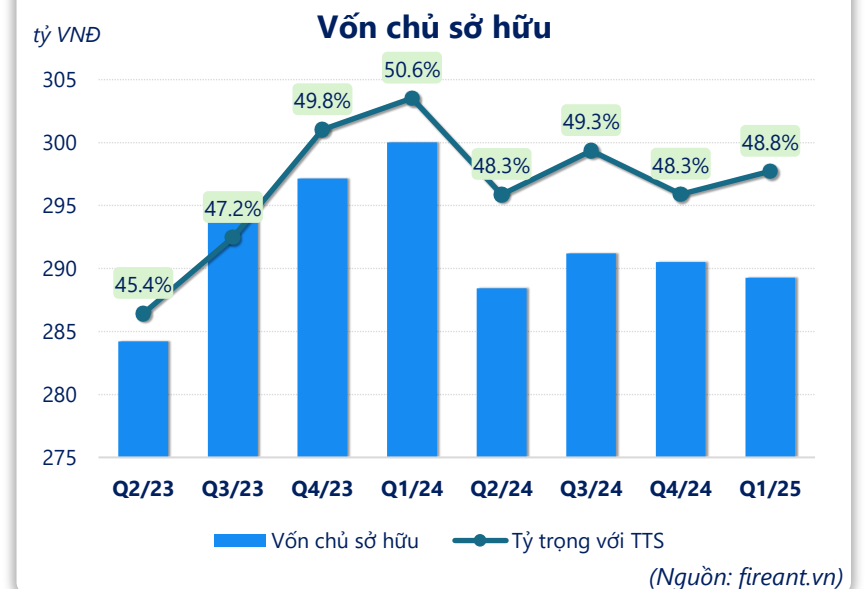
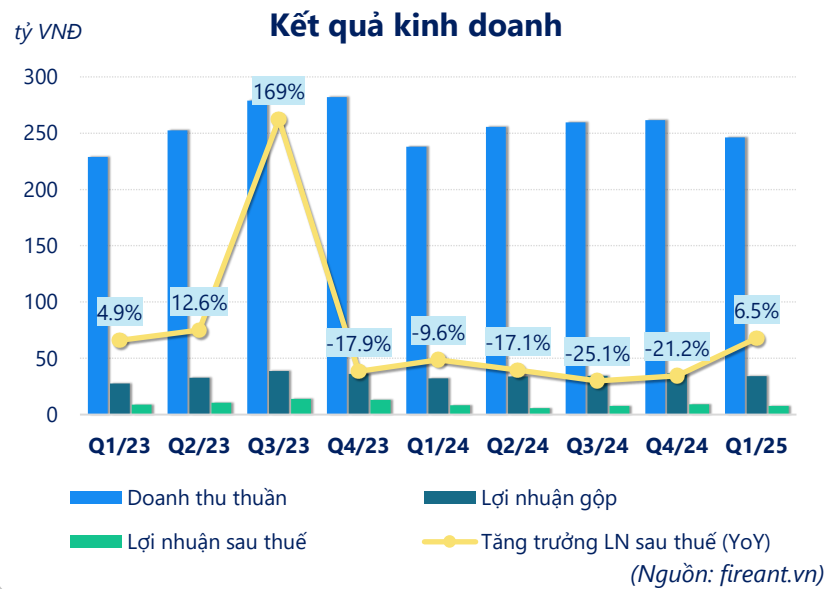
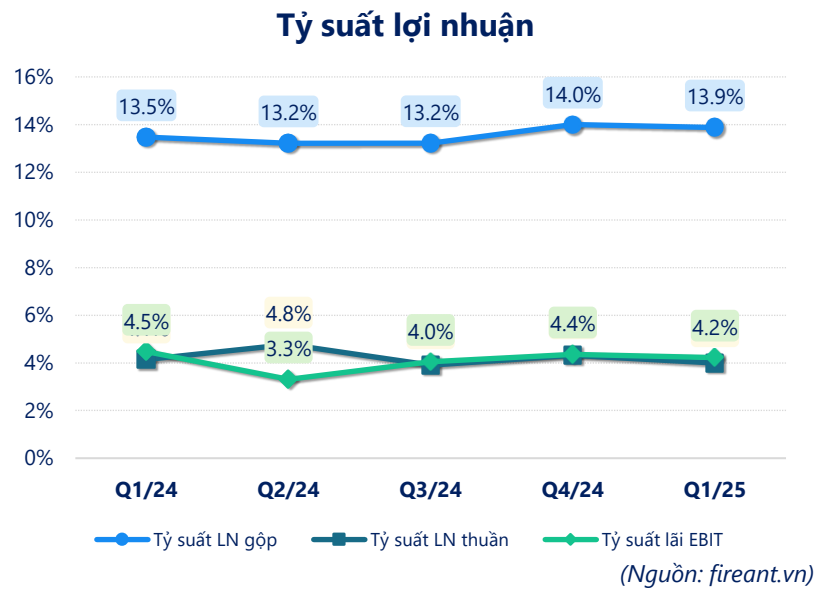
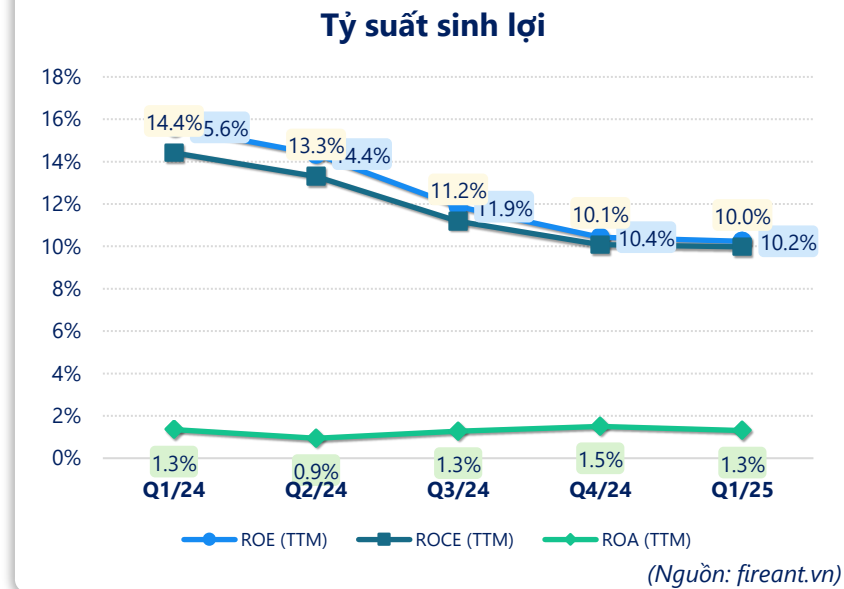
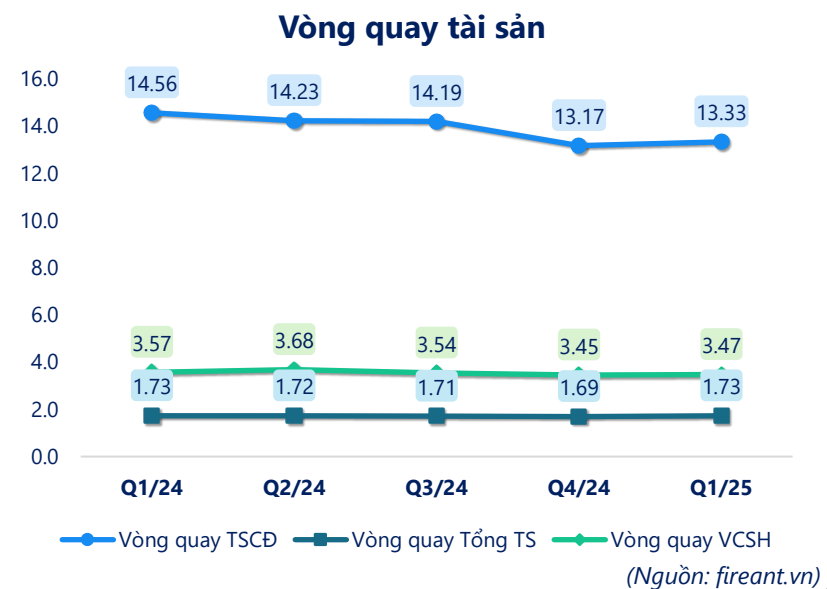
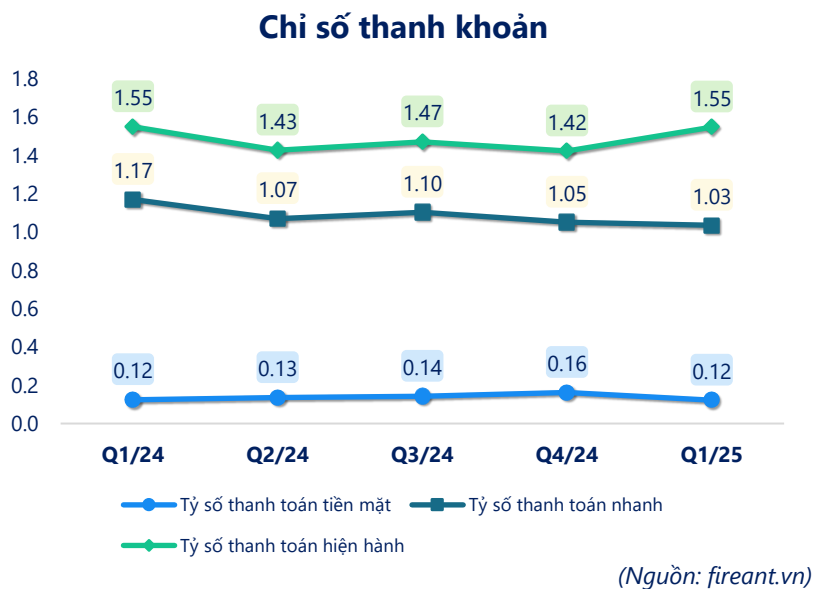
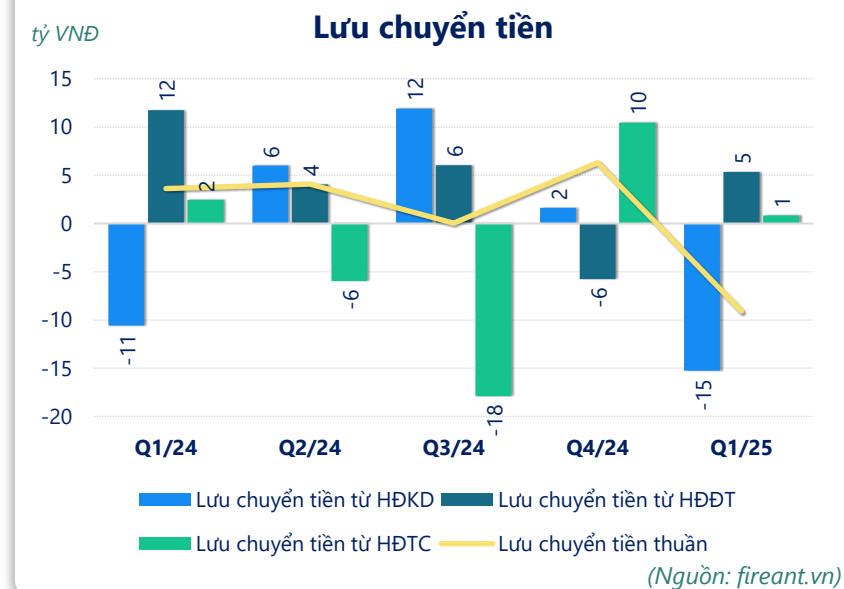


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,715
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,845
SL cổ phiếu LH		16,499,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,414
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		442
P/E		14.7
EPS		1,828

	YTD	1T	3T	6T
HTC	-11.7%	11.5%	6.3%	24.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	593	602	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	297	285	4.3%
Tiền và tương đương tiền	23.4	32.4	-28.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141	147	-4.1%
Phải thu ngắn hạn	26.4	23.1	13.9%
Hàng tồn kho	98.4	74.4	32.2%
Tài sản ngắn hạn khác	8.26	8.14	1.4%
Tài sản dài hạn	296	317	-6.8%
Phải thu dài hạn	7.61	7.25	5.0%
Tài sản cố định	74.7	75.6	-1.1%
Bất động sản đầu tư	21.1	21.4	-1.5%
Tài sản dở dang	118	140	-15.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	59.7	59.5	0.4%
Tài sản dài hạn khác	14.2	13.5	5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	291	299	-2.7%
Nợ ngắn hạn	192	200	-4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.7	57.9	10.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.9	15.4	3.4%
Nợ dài hạn	98.9	98.7	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	302	303	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	289	291	-0.4%
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	12.5	12.5	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	238	256	259	262	246
Giá vốn hàng bán	206	222	225	225	212
Lợi nhuận gộp	32.1	33.8	34.3	36.6	34.2
Doanh thu HĐTC	2.25	4.10	1.72	1.80	1.76
Chi phí TC	0.51	0.56	0.46	0.41	0.58
Chi phí lãi vay	0.51	0.56	0.46	0.41	0.58
LN trong công ty LKLD	0.64	-0.25	0.08	0.67	0.21
Chi phí bán hàng	12.7	13.5	14.4	14.7	13.5
Chi phí QLDN	11.8	11.4	11.1	12.7	12.2
LN thuần từ HĐKD	9.87	12.2	10.1	11.3	9.83
Lợi nhuận khác	0.26	-4.30	-0.10	-0.32	0.00
LN trước thuế	10.1	7.90	10.0	11.0	9.83
Lợi nhuận sau thuế	8.18	5.76	7.71	8.99	7.70
LNST của CĐ cty mẹ	8.18	5.76	7.71	8.99	7.70

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.6	6.00	11.9	1.62	-15.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.7	4.06	6.05	-5.77	5.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.47	-5.96	-17.9	10.4	0.82
Tiền đầu kỳ	18.4	22.0	26.1	26.1	18.4
Lưu chuyển tiền thuần	3.62	4.10	0.05	6.30	-9.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.0	26.1	26.1	32.4	9.28

(Nguồn: fireant.vn)